TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HS-ST
Ngày 24 – 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN- TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Cầm Văn Tổ

Ông Nguyễn Đức Việt

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2018/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn T. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 22 tháng 12 năm 1986. Tại huyện Mai Sơn, Sơn La. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Thái. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không. Trình độ học vấn: 04/12. Con ông Lò Văn T1 và bà Vì Thị T2. Bị cáo chưa có vợ (sống như vợ chồng với Điêu Thị T3). Có một con sinh năm 2013. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13.7.2018 tại Nhà tạm giữ công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: **Ông Vì Văn L.** Sinh năm 1965. Trú tại: Bản A1, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Hà Văn M. Trú tại: Bản C, xã D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bà Tòng Thị E, sinh năm 1966. Trú tại: Bản C, xã D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Anh Quàng Văn F. Sinh năm 1995. Trú tại: Bản C, xã D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Anh Lường Văn O, sinh năm 1987. Trú tại: Bản C1, xã D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Chị Vì Thị M. sinh năm 1990. Trú tại: Bản A1, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12.07.2018 Lò Văn T đi bộ từ nhà đến khu vực bản A1, xã B, huyện Mai Sơn để cắt cỏ cho bò thì thấy sân bên cạnh lán nương của gia đình Vì Văn L có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS BKS 26H2 – 4597 (chìa khóa cắm tại ổ khóa). Thấy xung quanh không có ai T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy bán lấy tiền chi tiêu. T đi vào sân của lán nương ngồi lên xe nổ máy và điều khiển xe đi ra khu vực đường nhựa đi theo đường tỉnh lộ 103 hướng xã B => xã D. Khi đi đến khu vực dốc bản C1, xã D, T dừng xe rồi sử dụng con dao (mang theo từ nhà) chém 02 nhát vào phần ốc vít gắn biển số xe mục đích để vứt biển số xe đi nhưng không được nên T tiếp tục điều khiển xe máy trộm cắp được đến nhà người quen là Lường Văn O (sinh năm 1987, trú tại bản C, xã D, huyện Mai Sơn) để vay tiền nhưng O không cho vay. T mở cốp xe ra kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có 01 chiếc áo mưa màu xanh, 01 đăng ký xe máy mang tên Vì Văn L, 01 bảo hiểm xe máy mang tên Vì Văn L, 01 giấy phép lái xe mang tên Vì Thị M. T lấy chiếc áo mưa và tháo đôi ủng đang đi để ở gần bếp nhà O, rồi mượn 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ, 01 đôi dép màu xanh và 01 chiếc áp rằn ri màu xanh của O rồi tiếp tục điều khiển xe máy đến nhà người quen là Hà Văn M (sinh năm 1988, trú tại bản C) để vay tiền. Khi đến nhà M, T gặp Quàng Văn F (sinh năm 1995, trú tại bản C) là em vợ của M và M đang đứng ngoài sân. T hỏi vay tiền M nhưng M nói không có tiền nên T hỏi bán chiếc xe máy cho F. F nói muốn mua xe nhưng phải về nhà hỏi mẹ F trước. T đồng ý rồi tháo chiếc gương bên trái của xe để lại ở lan can nhà M rồi điều khiển xe đến nhà F. Khi đến nhà F, T gặp mẹ của F là Tòng Thị E (sinh năm 1966, trú tại bản C) và hỏi bán xe cho E. E và F đồng ý mua chiếc xe máy của T với giá 1.000.000VNĐ và thỏa thuận trả trước 200.000VNĐ, T đồng ý và gọi Hà Văn M đến làm chứng. Sau khi viết giấy tờ mua bán xe xong, T lấy ở cốp xe giấy đăng kí xe và giấy bảo hiểm xe máy mang tên ông L đưa cho bà E còn giấy phép lái xe mang tên Vì Thị M T cất vào túi áo ngực bên trái. Sau đó F đưa cho T số tiền 198.000VNĐ và nói số tiền còn lại sẽ trả sau. T cầm số tiền đưa cho M và rủ M đi chơi, M đồng ý và điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave S BKS 26B1 – 64504 chở T. Trên đường đi M rẽ vào cửa hàng bán hàng tạp hóa của gia đình Nguyễn Thị Quỳnh (sinh năm 1970, trú tại bản C) để mua xăng và bánh ngọt hết 34.000VNĐ rồi tiếp tục chở T đi đến khu vực bản Nà Lằn, xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông

không quen biết đang đứng ở đường, T hỏi mua 164.000VNĐ ma túy, người đàn ông nhận tiền rồi đưa cho T 02 gói hêrôin. T cùng M đi vào trong nương mía cạnh đường sử dụng hết bằng hình thức hít. Sau đó M điều khiển xe máy chở T quay lại nhà Tòng Thị E. Trên đường về T ném giấy phép lái xe của Vì Thị M và ném đôi dép xanh mượn của Lường Văn O (do bị đứt) xuống ven đường. Khi đi đến nhà bà E, do nghi ngờ đây không phải xe của T nên nói không muốn mua xe nữa. T đồng ý và đi bộ đến nhà O hỏi vay tiền để chuộc xe nhưng O không có nhà nên T tiếp tục đi bộ đi tìm O. Trên đường đi T gặp Lường Văn Út (sinh năm 1985, trú tại bản C), T xin đi nhờ xe, Út đồng ý. Khi đi đến khu vực trung tâm bản C thì bị tổ công tác Công an xã D yêu cầu kiểm tra hành chính và yêu cầu về trụ sở làm việc, T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS BKS 26H2 – 4597 gia đình Vì Văn L.

Ngày 15.7.2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn đã yêu cầu hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn tiến hành định giá 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS 26H2 - 4597

Ngày 16.7.2018. Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn ra bản kết luận định giá tài sản số 687/KL-HĐ kết luận: *"Xe máy Honda BKS 26H2 - 4597 có giá trị còn lại là 5.000.000VNĐ"*.

Ngày 30/7/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Mai Sơn ra bản kết luận định giá tài sản số 775/KL-HĐ xác định phần thay thế nhựa đuôi xe, ốc vít (do bị cáo làm hỏng) có giá là 170.000VNĐ và áo mưa có trong cốp xe có giá là 80.000VNĐ.

Tại phiên toà bị cáo Lò Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 24/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo và đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- T bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 9 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

Về vật chứng: áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông Vì Văn L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, BSĐK 26H2-4597, màu sơn xanh – đen; 01

giấy đăng ký xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc; 01 gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô; 01 chiếc áo mưa.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho Hà Văn M 01 xe mô tô hiệu Honda màu sơn Đỏ - Bạc – Đen, BSĐK 26B1-645.04.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác màu nâu dài tay bằng vải, từ vị trí cổ tay lên phía cánh áo 05cm có 01 vết rách thủng kích thước 2,4cm x 2cm, áo có bám dính đất màu vàng, đã qua sử dụng cũ; 01 giấy mua bán mang tên người bán Lò Văn T, người mua tên là F, lập ngày 12/7/2018; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Vimax Helmet màu đỏ (loại mũ nửa đầu), đã qua sử dụng cũ; 01 bao dao bằng gỗ bên trong có 01 con dao dài 42cm cả chuôi, bản rộng nhất của lưỡi dao là 5cm, mũi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ được bọc bằng các vòng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng cũ; 01 chiếc bật lửa ga mùa đỏ, đã qua sử dụng cũ; 01 chiếc áo dài tay màu xanh, loại áo rằn ri dùng để lao động, đã qua sử dụng cũ; 01 đôi ủng màu xanh – nâu, nhãn hiệu Nhathong, đã qua sử dụng cũ.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền công truy tìm cho người bị hại L số tiền 1.500.000đ. Ông L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Chấp nhận việc Bà Tòng Thị E và chị Vì Thị M cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000VNĐ.

Bị cáo Lò Văn T tự bào chữa: Nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiến nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của bị cáo Lò Văn T thì thấy rằng: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của gia đình Vì Văn L ngày 12.7.2018 Lò Văn T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda BKS 26H2 – 4597 có giá trị là 5.000.000 đồng vì mục đích tư lợi cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn. Như vậy đã có đầy đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Với việc trộm cắp tài sản có giá trị 5.000.000đ thì Viện kiểm sát truy tố và tòa án xét xử bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

Điều 173 BLHS năm 2015 quy định*: *Tội Trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3]. Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, dân sự. Biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu sài cho bản thân nên bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, là người sử dụng ma túy có hồ sơ quản lý theo dõi tại Ủy ban nhân dân xã B. Do đó xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo cũng đã chủ động khắc phục một phần thiệt hại mà bị cáo gây ra, đã bồi thường tiền công truy tìm cho người bị hại số tiền là 1.500.000đ; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên toà thấy rằng. Bị cáo sống chung với bố mẹ, không có tài sản gì có giá trị do vậy, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì có áp dụng thì bị cáo cũng không có khả năng để thi hành.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

Qua trình điều tra, cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông Vì Văn L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, BSĐK 26H2-4597, màu sơn xanh – đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS bắt buộc; 01 gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô; 01 chiếc áo mưa. Đây đều là tài sản bị cáo

trộm cắp được của ông Vì Văn L. Việc trao trả của cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật. Cần chấp nhận.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda màu sơn Đỏ - Bạc – Đen, BSĐK 26B1-645.04 thu giữ của Hà Văn M. Quá trình điều tra đã xác định M không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Do vậy, cơ quan điều tra đã trao trả lại chiếc xe trên cho Hà Văn M. Cần chấp nhận.

Toàn bộ số vật chứng còn lại gồm: 01 áo khoác màu nâu dài tay bằng vải; 01 giấy mua bán mang tên người bán Lò Văn T, người mua tên là F, lập ngày 12/7/2018; ; 01 bao dao bằng gỗ bên trong có 01 con dao dài 42cm cả chuôi; 01 chiếc bật lửa ga mùa đỏ; 01 chiếc áo dài tay màu xanh; 01 đôi ủng màu xanh – nâu, nhãn hiệu Nhathong. Thu giữ của Lò Văn T không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Vimax Helmet màu đỏ (loại mũ nửa đầu); 01 chiếc áo dài tay màu xanh thu giữ của Lò Văn T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định đây là vật dụng của Lường Văn O cho Lò Văn T mượn. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Lường Văn O không đề nghị được nhận lại số tài sản trên và đề nghị tòa án tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của anh O là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời các tài sản trên đã qua sử dụng, giá trị còn lại thấp nên HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng trên.

Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Vì Thị M để trong xe của ông L. Khi bị cáo trộm cắp xe, kiểm tra thấy có đăng ký xe trên. Tuy nhiên bị cáo đã ném giấy phép lái xe trên đi. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp để truy tìm nhưng không tìm được.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền công truy tìm cho người bị hại L số tiền 1.500.000đ. Ông L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Bà Tòng Thị E là người mua lại chiếc xe bị cáo đã trộm cắp được, có đưa cho bị cáo 198.000đ nhưng cũng không đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền trên. Vì Thị M cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì đối với Giấy phép lái xe của M do bị cáo đã làm mất. Cần chấp nhận.

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với Lường Văn O, Hà Văn M, Tòng Thị E, Quàng Văn F quá trình điều tra xác định O, M, E, F không biết xe máy trên là do T trộm cắp mà có do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Mai Sơn không đặt vấn đề xử lý với O, M, E, F.

Đối với Tòng Thị E sau khi mua xe máy của T, do nghi ngờ là tài sản trộm cắp nên bà E đã trình báo đến Công an xã D để điều tra xử lý.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho M và T. M và T không biết họ tên, tuổi, địa chỉ, quá trình trao đổi không ai biết, chứng kiến nên Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn không có cơ sở để điều tra xác minh

Đối với hành vi Hà Văn M và Lò Văn T đi mua ma túy về sử dụng. Việc mua bán ma túy không ai biết chứng kiến, T và M đã sử dụng hết số ma túy do đó không đủ căn cứ để điều tra xử lý về hình sự.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

T bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/7/2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho ông Vì Văn L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, BSĐK 26H2-4597, màu sơn xanh – đen; 01 giấy đăng ký xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm TNDS bắt buộc; 01 gương chiếu hậu bên trái của xe mô tô; 01 chiếc áo mưa.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trao trả lại cho Hà Văn M 01 xe mô tô hiệu Honda màu sơn Đỏ - Bạc – Đen, BSĐK 26B1-645.04.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác màu nâu dài tay bằng vải, từ vị trí cổ tay lên phía cánh áo 05cm có 01 vết rách thủng kích thước 2,4cm x 2cm, áo có bám dính đất màu vàng, đã qua sử dụng cũ; 01 giấy mua bán mang tên người bán Lò Văn T, người mua tên là F, lập ngày 12/7/2018; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu Vimax Helmet màu đỏ (loại mũ nửa đầu), đã qua sử dụng cũ; 01 bao dao bằng gỗ bên trong có 01 con dao dài 42cm cả chuôi, bản rộng nhất của lưỡi dao là 5cm, mũi dao nhọn, chuôi dao bằng gỗ được bọc bằng các vòng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng cũ; 01 chiếc bật lửa ga mùa đỏ, đã qua sử dụng cũ; 01 chiếc áo dài tay màu xanh, loại áo rằn ri dùng để lao động, đã qua sử dụng cũ; 01 đôi ủng màu xanh – nâu, nhãn hiệu Nhathong, đã qua sử dụng cũ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền công truy tìm cho người bị hại L số tiền 1.500.000đ. Ông L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Chấp nhận việc bà Tòng Thị E không đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền mua xe của bị cáo. Chấp nhận việc chị Vì Thị M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do bị cáo làm mất Giấy phép lái xe của chị.

3. Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mai Sơn ;
- Viện KSND tỉnh Sơn La ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Mai Sơn ;
- Công an huyện Mai Sơn ;
- Chi cục THADS Mai Sơn ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga